

Bản án số: **500/2021/HSPT**
Ngày: 20-12-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Việt Cường

Ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Hoàng, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 138/2020/TLPT-HS ngày 29/12/2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn C do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn C**; Sinh ngày 22/09/1967 tại Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: tỉnh Kon Tum; nơi đăng ký tạm trú: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Cao Thị A (đều đã chết). Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1973 (đã ly hôn) và có 02 (hai) con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:

Ông Nguyễn Khánh L, sinh năm 1986 - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV N & Cộng sự. Vắng mặt

Địa chỉ công ty: tỉnh Đắk Lắk. Địa chỉ liên hệ: tỉnh Đắk Nông.

Ông Nguyễn Đức D - Luật sư Chi nhánh Công ty luật TNHH MTV N tại Đắk Nông. Địa chỉ: tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

Bị hại: Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 1980. Nơi cư trú: tỉnh Kon Tum. Vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại chị Hoàng Thị Y: ông Dương Đức T và ông Long Xuân T - Luật sư Công ty Luật TNHH D. Địa chỉ: thành phố Hà Nội. Ông Tâm có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người làm chứng không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Giữa Nguyễn Văn C và gia đình chị Hoàng Thị Y có mối quan hệ quen biết từ trước, C đã nhiều lần vay mượn tiền những người trong gia đình chị Y và đều trả nợ đúng hạn. Đến ngày 21/9/2015, Nguyễn Văn C đến gặp chị Hoàng Thị Y đưa ra thông tin cần tiền để làm ăn kinh doanh hỏi vay chị Y số tiền 470.000.000 đ (*Bốn trăm bảy mươi triệu đồng*) thời hạn vay từ ngày 21/9/2015 đến ngày 21/10/2015, lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng (C có viết giấy vay tiền và ký xác nhận) và chị Y đã đồng ý cho C vay số tiền 470.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền C khai rằng đã dùng số tiền trên để góp vốn kinh doanh với chị Nguyễn Thị M và sau đó cho chị Nguyễn Thị M vay để làm ăn kinh doanh, chị M cũng thừa nhận việc này.

Đến thời hạn trả nợ, do không đòi được tiền từ chị M nên C nói chị Y là do làm ăn khó khăn nên chưa có tiền để trả khoản nợ 470.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 10/12/2015, C tiếp tục đến gặp chị Y đưa ra thông tin vay số tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*), thời hạn vay từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/01/2016, lãi suất hai bên thỏa thuận theo lãi suất Ngân hàng (C có viết giấy vay tiền và ký xác nhận) đồng thời hứa hẹn sau khi đáo hạn Ngân hàng xong C sẽ trả lại chị Y toàn bộ số tiền 620.000.000 đồng đã vay. Vì tin tưởng những thông tin mà C đưa ra là có thật và mong muốn thu hồi hết số tiền nợ nên chị Y đã đồng ý cho C vay thêm số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền vay trên C không dùng để đáo hạn Ngân hàng mà đưa cho chị M vay (chị M cũng thừa nhận vấn đề này).

Quá thời hạn trả nợ, chị Y đã nhiều lần đòi nợ nhưng C không trả, sau đó bỏ đi khỏi địa phương không khai báo với chính quyền đi đâu, làm gì; chị Y không liên lạc được (thể hiện tại các bút lục 84-86; bút lục 68, 72, 100, 101).

Quá trình điều tra C khai nhận góp vốn 470.000.000 đồng để đầu tư làm ăn ở bên Lào với chị M nhưng C lại không biết chị M đầu tư kinh doanh vào ngành nghề, lĩnh vực nào ở đâu, còn số tiền 150.000.000 đồng C cho chị M vay để đáo hạn ngân hàng cho người khác, khi họ không có nhu cầu đáo hạn nữa thì C cho chị M vay lại. Chị Nguyễn Thị M khai toàn bộ số tiền vay của C là 620.000.000 đồng chị đã đầu tư cho, chị Nguyễn Thị Tuyết N để làm ăn bên Lào nhưng chị M không biết được việc chị N đầu tư làm ăn như thế nào, địa điểm đầu tư ở đâu? Còn chị Nguyễn Thị Tuyết N khai nhận đã sử dụng số tiền này để đầu tư mua bãi làm vàng của một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch, không biết thuộc địa phận nào của nước Lào. C, M, N cũng không đăng ký thành lập công ty, doanh nghiệp hay kinh doanh ngành nghề, lĩnh vực nào.

- Ngày 14/9/2017, chị Hoàng Thị Y có đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum đối với hành vi nêu trên của Nguyễn Văn C. Cơ quan điều tra đã triệu tập Nguyễn Văn C để làm việc. Đến ngày 06/11/2017, qua làm việc Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Y đã lập “*Giấy cam. kết trả nợ*” với nội dung: C thừa nhận có vay chị Hoàng Thị Y tổng cộng 620.000.000 đồng, cam kết đến ngày 30/11/2017 sẽ trả cho chị Y 50.000.000 đồng; sau 04 tháng sẽ trả tiếp 50.000.000 đồng và hàng tháng sẽ trả dần từ 5-7 triệu đồng. Nhưng sau đó C không thực hiện đúng cam kết nêu trên. Do đó, đến ngày 18/3/2018, chị Hoàng Thị Y tiếp tục làm đơn tố cáo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum.

- Bản kết luận giám định số 89/GĐTP-2018 ngày 30/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Kon Tum kết luận:

“Chữ viết phần nội dung trên “HỢP ĐỒNG CHO VAY TIỀN” đề ngày 21/9/2015 và trên “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN” đề ngày 10/12/2015 với chữ viết của Nguyễn Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra; Chữ ký đứng tên Nguyễn Văn C trên “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” ngày 21/9/2015 và trên “HỢP ĐỒNG CHO CÁ NHÂN VAY TIỀN” ngày 10/12/2015 với chữ ký Nguyễn Văn C trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2020/HS-ST ngày 17/11/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ: Điều 38; điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51 BLHS.

Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

- Ngày 23/11/2020 bị cáo Nguyễn Văn C kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội.

- Ngày 24/11/2020, người bị hại Hoàng Thị Y kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì án sơ thẩm xét xử trái pháp luật, chưa đánh giá khách quan toàn diện vụ án, áp dụng hình phạt quá thấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo thay đổi nội dung kháng cáo; khai nhận hành vi phạm tội và xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại Hoàng Thị Y vẫn giữ nguyên kháng đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án cho rằng: Về tố tụng, HĐXX tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và của bị hại; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C và bị hại Hoàng Thị Y; nhận thấy: Giữa Nguyễn Văn C và chị Hoàng Thị Y có mối quan hệ quen biết từ trước, nên ngày 21/9/2015 Nguyễn Văn C đến gặp chị Hoàng Thị Y vay chị Y số tiền 470.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 21/9/2015 đến ngày 21/10/2015, lãi suất tính theo lãi suất Ngân hàng (*C có viết giấy vay tiền và ký xác nhận*), mục đích kinh doanh. Sau khi nhận tiền C khai rằng đã dùng số tiền trên để góp vốn kinh doanh với chị Nguyễn Thị M và sau đó cho chị M vay để làm ăn kinh doanh, chị M cũng thừa nhận việc này.

Đến thời hạn trả nợ, chị Y đòi C nhiều lần nhưng do không đòi được tiền từ chị M nên C chưa có tiền để trả khoản nợ 470.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 10/12/2015, C tiếp tục đến gặp chị Y vay thêm số tiền 150.000.000đ, thời hạn vay từ ngày 10/12/2015 đến ngày 10/01/2016 và C nói với chị Y là vay để đáo hạn ngân hàng, đồng thời hứa hẹn sau khi đáo hạn Ngân hàng xong C sẽ trả lại chị Y toàn bộ số tiền 620.000.000 đồng đã vay. Vì tin tưởng những thông tin mà C đưa ra là có thật và mong muốn thu hồi hết số tiền nợ nên chị Y đã đồng ý cho C vay thêm số tiền 150.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền vay trên C không dùng để đáo hạn Ngân hàng và trả nợ cho chị Y như đã hứa hẹn mà dùng vào việc cá nhân. Xét thấy:

[1.1]. Đối với khoản vay 470.000.000 đồng:

Số tiền vay 470.000.000 đồng, C vay của chị Y nhằm mục đích kinh doanh và sau khi vay C đã góp vốn với chị Nguyễn Thị M để kinh doanh; chị M thừa nhận vấn đề này và có viết giấy nhận nợ đối với C; khi đến hạn chị M làm ăn thua lỗ không có tiền trả cho C, nên C cũng không thể trả cho chị Y là yếu tố khách quan, không có mục đích chiếm đoạt. Do đó, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định đây là quan hệ dân sự và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với số tiền này là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Hoàng Thị Y về nội dung này.

[1.2]. Đối với khoản tiền 150.000.000 đồng:

Đến cuối tháng 10/2015, khoản vay 470.000.000 đồng đã đến hạn trả nợ cho chị Y, C biết rõ việc C mất khả năng trả khoản tiền này cho chị Y nhưng đến ngày 10/12/2015, C vẫn đến gặp chị Y đưa ra thông tin gian dối là vay tiếp để đáo hạn ngân hàng và sau khi đáo hạn ngân hàng C sẽ trả đủ toàn bộ số tiền của hai khoản vay cho chị Y, đã làm cho Chị Y tin tưởng nên giao số tiền 150.000.000 đồng cho C vay tiếp. Sau khi nhận khoản tiền 150.000.000 đồng, C đã không đáo hạn ngân hàng và không trả nợ cho chị Y mà dùng vào mục đích cá nhân. Mặt khác, sau khi đến hạn của khoản tiền vay 150.000.000 đồng, chị Y đòi nhiều lần C không trả và bỏ đi khỏi địa phương mà không báo chính quyền địa phương và chị Y biết.

Với diễn biến hành vi nêu trên, án sơ thẩm tuyên bố bị cáo C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” của chị Y với số tiền 150.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai nhận hành vi phạm tội, thể hiện sự ăn năn hối cải. Tuy nhiên, mức hình phạt được áp dụng đối với bị

cáo là từ 02 năm tù đến 7 năm tù; tòa án cấp sơ thẩm sau khi đánh giá tính chất vụ án, mức độ phạm tội, xem xét nhân thân và bồi thường; quyết định xử phạt bị cáo 42 tháng tù là đã có chiều cố.

[2]. Từ phân tích tại Mục [1.] đã nêu trên; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của bị hại Y.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị; đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn C và kháng cáo của bị hại Hoàng Thị Y; Giữ nguyên án sơ thẩm.

1/ Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 42 (*Bốn mươi hai*) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn C phải trả cho chị Hoàng Thị Y số tiền còn lại là 90.000.000 đồng.

3/ Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Kon Tum;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSTHAHS – Công an thành phố Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh